

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2018

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Bùi Đức Thập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14-5-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-01-2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-4-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04-5-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1978;

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Cư trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1948;

Cư trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-3-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn X vào ngày 09-9-1996 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị bị ốm đau, bệnh tật nên anh X chán nản, anh thường xuyên uống rượu, say xỉn. Mỗi lần uống rượu say anh X lại chửi bới, đánh đập chị. Tháng 01 năm 2016, chị đã làm đơn ly hôn anh X nhưng sau đó lại rút đơn để cho anh X cơ hội thay đổi tính nết. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian này, anh X thường xuyên đến nhà bố mẹ chị gây sự, chửi bới, có lần còn đập phá đồ đạc. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh X.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu A đang ở với chị. Chị xin nuôi cháu A và tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn Nguyễn Văn X trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không xảy ra mâu thuẫn lớn. Khoảng hơn một năm nay, chị L nói với anh phải về nhà để chăm sóc mẹ già nên anh nhất trí. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Do anh thường xuyên uống rượu say nên chị L làm đơn ly hôn anh. Từ khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh cũng đến động viên chị L về nhưng chị L không đồng ý. Hiện nay, vợ chồng anh đang sống ly thân. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con, bản thân chị L đang bị bệnh nên anh muốn được chăm sóc chị, do vậy anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị L trình bày. Hiện cháu T đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu A đang ở với chị L. Anh đồng ý để chị L nuôi con, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn X kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị L và anh X xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh X thường xuyên say rượu, không chịu khó làm ăn nên vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, xô xát. Chị L đã một lần làm đơn xin ly hôn anh X, sau đó lại rút đơn, chung sống được một thời gian nhưng đến đầu năm 2017 chị L về nhà mẹ đẻ ở xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo đơn của chị L để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Thời gian chị L về nhà mẹ đẻ ở xã Đ, nhiều lần anh X đến nhà chị L chửi bới, đập phá đồ đạc của chị L trong tình trạng say rượu.

Bà Phạm Thị L là mẹ đẻ chị Lê Thị L cung cấp: Sau khi kết hôn, chị L và anh X về chung sống tại gia đình bà một thời gian dài. Tuy nhiên, do anh X thường xuyên chửi bới gia đình bà nên chồng bà đã đuổi hai vợ chồng chị L đi. Sau đó, anh chị về xã T ở. Thời gian đó, hai anh chị thường xuyên cãi nhau, chị L nhiều lần bỏ về nhà bà. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh X hay uống rượu, say xỉn, chửi bới, đánh đập chị L. Chị L về gia đình bà sinh sống từ đầu năm 2017, trong thời gian này anh X đến nhà chửi bới, đập phá đồ đạc của chị L. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị L được ly hôn anh X.

Tại phiên toà: Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh X, chị xin nuôi cháu A, không yêu cầu anh X phải đóng góp tiền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh X. Về nuôi con

chung: Chị L và anh X có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000. Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị L và anh X không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn X được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vẫn vắng mặt, người làm chứng bà Phạm Thị L vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh X, bà L.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn X kết hôn năm 1996 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X thường xuyên rượu chè, không chịu khó làm ăn, mỗi khi uống rượu say anh X lại chửi bới, đánh đập chị. Năm 2016, chị L đã làm đơn ly hôn anh X, được hòa giải nên chị rút đơn về, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đình chỉ giải quyết vụ án. Chị L về chung sống với anh X nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, đầu năm 2017 chị về nhà mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh X không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, mặt khác anh còn đến nhà mẹ chị để chửi bới, gây sự, đập phá đồ đạc. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, **không có cuộc sống chung**, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị L ly hôn anh X.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000. Hiện cháu T đã trưởng thành

nên các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị L và anh X đều có ý kiến giao cháu A cho chị L nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu A xin ở với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L tự nguyện không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn X.
2. Về nuôi con chung: Chị L và anh X có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000.

Hiện cháu T đã trưởng thành nên chị L và anh X không đề nghị Tòa án giải quyết.

Giao con chung Nguyễn Thị Thu A, sinh ngày 24-5-2000 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003809 ngày 03-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh